TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TY-TỈNH YÊN BÁI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29-8-2023
V/v: Chia tài sản chung, nợ chung sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TY,TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phú Duy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền

Ông Lưu Việt Trung

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiển – Thư ký Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TY tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Huyền Trang- Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 8 năm 2023, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện TY, tỉnh Yên Bái xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 62/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2023 về việc *"Chia tài sản chung, nợ chung sau khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 7 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1983. Có mặt

Trú tại: Thôn K, xã K, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

2. Bị đơn: Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1982. Vắng mặt

Nơi ĐKHKTT: Thôn K, xã K, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

Chỗ ở hiện nay: Thôn Q, xã Y, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng C

Địa chỉ: 169 Linh Đ, phường H, quận H, TP. Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th- Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Bích N: Giám đốc phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện TY (Theo văn bản ủy quyền số 4716/QĐ-NHCS ngày 25-11-2016). Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ dân phố số 8, thị trấn C, huyện TY, tỉnh Yên Bái

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị H trình bày:

Ngày 09-10-2014, chị và anh Nguyễn Ngọc H đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã K, huyện TY. Quá trình chung sống, chị và anh Hưng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên chị đã làm đơn khởi kiện xin ly hôn với anh Nguyễn Ngọc H tại Tòa án nhân dân huyện TY và đã được Tòa án giải quyết cho ly hôn theo Bản án số 26/2021/HNGĐ-ST ngày 04-8-2021. Tại Bản án trên, Tòa án đã giải quyết về quan hệ hôn nhân và con chung, về tài sản chung và công nợ chung chị đề nghị tự thỏa thuận với anh Nguyễn Ngọc H. Sau khi ly hôn, chị đã nhiều lần tìm cách tự thỏa thuận với anh Nguyễn Ngọc H về tài sản chung nhưng anh Hưng không hợp tác. Do vậy chị làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án chia đôi khối tài sản chung của chị và anh Nguyễn Ngọc H gồm: Quyền sử dụng thửa đất số 07, tờ bản đồ: SĐL ngày 01/6/2016, đất ở nông thôn, diện tích 334,6 m2 có địa chỉ tại Thôn K, xã K, huyện TY, được UBND huyện TY cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 100919 vào ngày 04/8/2016 cho hộ bà Hoàng Thị H. Đến ngày 01/12/2020 được chuyển quyền sử dụng đất từ hộ bà Hoàng Thị H thành quyền sử dụng đất của bà Hoàng Thị H và ông Nguyễn Ngọc H. Nguồn gốc quyền sử dụng đất do chị và anh Nguyễn Ngọc H nhận chuyển nhượng. Chị xác định giá trị của thửa đất nêu trên là 235.000.000 đồng.

Về nghĩa vụ chung về tài sản: Chị và anh Nguyễn Ngọc H nợ chung như sau: Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam 200.000.000 đồng; nợ Ngân hàng C 50.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Hoàng Thị H đã giao nộp Hợp đồng tín dụng và các chứng từ giao dịch giữa chị với Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện TY, thể hiện chị đã trả toàn bộ số nợ 200.000.000 đồng và tổng số tiền lãi kể từ ngày 01-7-2021 đến hết ngày 06-01-2022 là 10.118.548 đồng.

Đối với khoản nợ 50.000.000 đồng vẫn chưa trả được cho Ngân hàng chính sách, tiền lãi hàng tháng kể từ khi ly hôn chị là người trả lãi bằng tiền riêng của chị, số tiền lãi chị đã trả tính từ ngày 14-8-2021 đến 14-7-2023 là 7.920.000 đồng.

* Tại bản tự khai đề ngày 18-7-2023 của bà Nguyễn Thị Bích N- giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện TY là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan- Ngân hàng C trình bày: Ngày 14-11-2019, Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện TY có cho hộ gia đình bà Hoàng Thị H vay số tiền 50.000.000 đồng theo khế ước số 6600000716545485 thuộc chương

trình Cho vay hộ cận nghèo, hạn trả là ngày 14-11-2024. Số tiền lãi đã trả tính từ ngày 14-8-2021 đến 14-7-2023 là 7.920.000 đồng. Do khoản nợ nêu trên chưa đến hạn trả nợ nên Ngân hàng chính sách chỉ yêu cầu hộ gia đình bà Hoàng Thị H thực hiện đúng nghĩa vụ theo phân kỳ và lãi phát sinh, Ngân hàng không có yêu cầu phản tố hay yêu cầu độc lập về việc yêu cầu chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Ngọc H phải trả nợ. Đối với ý kiến của chị Hoàng Thị H đề nghị sẽ có trách nhiệm trả toàn bộ số tiền gốc và lãi phát sinh, Ngân hàng đồng ý với ý kiến của chị Thắm.

Tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ đối với thửa đất số 07 (cũng được đánh số là thửa số 07 trên sơ đồ xem xét, thẩm định tại chỗ), xác định diện tích thực tế là 331,4 m^2, các tài sản trên đất gồm có: 01 nhà xây tường gạch lợp mái blu xi măng, 14 cây quế 07 năm tuổi, 14 cây quế 05 năm tuổi; 70 cây quế từ 01-03 năm tuổi, 01 cây khế, 01 cây ổi, 01 cây mắc mật, 01 bể phốt, 01 téc chứa nước nhãn hiệu Tân Ý thể tích 1000 lít. Chị Hoàng Thị H nhất trí với kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ. Đối với nhà xây, bể phốt, téc nước, chị Thắm xác định đây là các tài sản hình thành sau thời kỳ hôn nhân, là tài sản riêng của chị; đối với toàn bộ số cây quế, cây ổi, cây mắc mật và cây khế, chị xác định đây cũng là tài sản chung của vợ chồng, chị xác định giá trị là 1.500.000 đồng.

Đối với thửa đất số 02 trên sơ đồ xem xét, thẩm định tại chỗ có sân đổ bê tông, 01 bể chứa nước xây bằng gạch trên đất do Nhà nước quản lý và cũng không phải là tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra trên đất còn có 01 cây ổi nhưng do tự mọc lên, không phải là tài sản chung nên chị cũng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Hoàng Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Chị yêu cầu chia đôi giá trị tài sản chung giữa chị và anh Nguyễn Ngọc H là quyền sử dụng thửa đất số 07, trị giá 235.000.000 đồng và các tài sản trên đất gồm toàn bộ số cây quế, cây ổi, cây mắc mật và cây khế, giá trị 1.500.000 đồng và chị đề nghị được toàn quyền sử dụng thửa đất cùng các tài sản trên đất nêu trên. Đối với các khoản nợ các Ngân hàng đều là các khoản nợ được hình thành trong thời kỳ hôn nhân do đó việc trả nợ và trả lãi phát sinh là nghĩa vụ chung của chị và anh Nguyễn Ngọc H. Mặc dù đến ngày 04-8-2021 chị mới được Tòa án giải quyết cho ly hôn nhưng thực tế trước đó chị và anh Nguyễn Ngọc H đã sống ly thân với nhau kể từ tháng 02 năm 2021, toàn bộ số tiền gốc và số tiền lãi đã trả đều do chị trả bằng tiền riêng của chị. Chị xác định lại thời gian và số tiền trả lãi của khoản nợ 200.000.000 đồng, cụ thể là tiền lãi kể từ ngày 01-7-2021 đến hết ngày 06-01-2022 mà chị đã trả là 10.118.548 đồng. Chị đề nghị chia đôi nghĩa vụ chung của chị và anh Nguyễn Ngọc H bao gồm các khoản nợ và tiền lãi phát sinh, tổng cộng là 200.000.000 đồng+ 10.118.548 đồng+ 50.000.000 đồng+ 7.920.000

đồng= 268.038.548 đồng và mỗi người phải có nghĩa vụ trả nợ số tiền 134.019.274 đồng. Chị đã trả được tổng số tiền 218.038.548 đồng, còn nợ lại Ngân hàng chính sách 50.000.000 đồng, chị nhận trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách và Ngân hàng chính sách cũng đã đồng ý nên chị không phải trích chia chênh lệch giá trị tài sản cho anh Nguyễn Ngọc H. Đối với khoản chênh lệch sau khi chia tài sản và chia nghĩa vụ trả nợ, chị không yêu cầu anh Nguyễn Ngọc H phải trả cho chị khoản tiền chênh lệch.

Về chi phí tố tụng: Chị nhận chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

Anh Nguyễn Ngọc H đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Nguyễn Ngọc H không có mặt nên hồ sơ không có lời khai của anh Hưng, Tòa án cũng không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký trong quá trình chuẩn bị xét xử và của Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự, quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự được đảm bảo.

Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27, Điều 33, Điều 37, Điều 59, Điều 60 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 98, Điều 99, Điều 100 Luật đất đai; điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị H về chia tài sản chung và nợ chung sau khi ly hôn với anh Nguyễn Ngọc H.

- Giao cho chị Hoàng Thị H được quyền quản lý và sử dụng thửa đất số 07 và toàn bộ tài sản trên đất tại tờ bản đồ số SĐL ngày 01/6/2016, có diện tích sau khi xem xét thẩm định tại chỗ là 331,4 m^2, mục đích sử dụng là đất ở nông thôn, được UBND huyện TY cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 04/8/2016 có số sêri CĐ 100919, số vào sổ cấp GCN: CH00587 cấp cho bà Hoàng Thị H và ông Nguyễn Ngọc H, địa chỉ thửa đất tại Thôn K, xã K, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

Chị Hoàng Thị H được quyền liên hệ cơ quan có thẩm để làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nếu có nhu cầu theo quy định của pháp luật.

- Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng C và chị Hoàng Thị H về việc Chị Hoàng Thị H có trách nhiệm trả cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện TY, tỉnh Yên Bái số tiền 50.000.000 đồng tiền gốc theo hợp đồng và lãi suất phát sinh theo thỏa thuận.

- Về chi phí tố tụng: Chị Hoàng Thị H nhận chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.662.000đ

- Về án phí; Quyền kháng cáo: Theo quy định của pháp luật..

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện TY nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng* :

Chị Hoàng Thị H yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung sau khi ly hôn nên cần xác định quan hệ pháp luật là "Chia tài sản chung, nợ chung sau khi ly hôn". Bị đơn anh Nguyễn Ngọc H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Thôn K, xã K, huyện TY, tỉnh Yên Bái nên yêu cầu của chị Hoàng Thị H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TY.

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng anh Nguyễn Ngọc H vắng mặt, không có lý do, bà Nguyễn Thị Bích N là người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nên căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên.

[2] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về tài sản chung: Chị Hoàng Thị H xác định tài sản chung của vợ chồng bao gồm: Quyền sử dụng thửa đất số 07 và các tài sản trên đất bao gồm: 14 cây quế 07 năm tuổi; 14 cây quế 05 năm tuổi; 70 cây quế từ 01-03 năm tuổi; 01 cây khế, 01 cây ổi; 01 cây mắc mật. Đối với quyền sử dụng thửa đất số 07, chị xác định có giá trị 235.000.000 đồng và tài sản trên đất (tài sản chung) có giá trị 1.500.000 đồng và đề nghị chia đôi giá trị tài sản, giao cho chị được sử dụng toàn bộ thửa đất cùng các tài sản trên đất do hiện nay chị đang là người trực tiếp nuôi con chung của chị với anh Nguyễn Ngọc H.

Xét thấy, trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thể hiện đất được cấp cho cả chị Thắm và anh Hưng và chị Thắm xác định nguồn gốc do anh chị cùng nhận chuyển nhượng do đó xác định công sức đóng góp của anh chị là như nhau nên cần chia đôi giá trị khối tài sản chung này. Đối với các tài sản trên đất chị xác định là tài sản chung và cũng đề nghị chia đôi giá trị nên cần cấp nhận.

Xét về giá trị tài sản chung: Theo quy định tại Điều 104 Bộ luật tố tụng dân sự thì đương sự có quyền đưa ra giá trị của tài sản, chị Thắm xác định đất có giá trị 235.000.000 đồng, tài sản trên đất (tài sản chung) có giá trị là 1.500.000 đồng và không yêu cầu định giá tài sản, anh Hưng vắng mặt nên không có lời khai. Tòa án không có cơ sở để tự mình ra quyết định định giá tài sản. Do đó, Tòa án giải quyết căn

cứ vào giá trị do nguyên đơn xác định là 236.500.000 đồng, chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Ngọc H mỗi người được hưởng giá trị của tài sản là 118.250.000 đồng.

Kể từ khi ly hôn anh Hưng đã về nhà bố mẹ đẻ tại Thôn Q, xã Y, huyện TY sinh sống và chị Hoàng Thị H là người đang trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung giữa chị và anh Nguyễn Ngọc H. Ngoài ra anh Nguyễn Ngọc H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có mặt, không có ý kiến về việc chia tài sản chung. Do đó, yêu cầu của chị Hoàng Thị H đề nghị được sử dụng toàn bộ thửa đất số 07 và các tài sản trên đất (tài sản chung) là phù hợp, cần được chấp nhận.

[2.2] Về nghĩa vụ chung:

Xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện trong thời kỳ hôn nhân chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Ngọc H có các khoản nợ chung sau: Nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam 200.000.000 đồng; nợ Ngân hàng C 50.000.000 đồng.

Đối với khoản nợ 200.000.000 đồng: Tại các chứng từ giao dịch do chị Thắm cung cấp thì khoản nợ này đã được tất toán vào ngày 06-01-2022 và khoản tiền lãi phát sinh tính từ ngày 01-7-2021 đến ngày 06-01-2022 là 10.118.548 đồng.

Đối với khoản nợ 50.000.000 đồng: Theo tài liệu và trình bày của Ngân hàng chính sách xã hội thì chị Hoàng Thị H đã trả tiền lãi tính từ ngày 14-8-2021 đến ngày 14-7-2023 là 7.920.000 đồng, chị Thắm nhất trí với số tiền lãi đã trả và xác định đều do chị trả bằng tiền riêng của chị, tiền nợ gốc vẫn chưa trả.

Xét thấy cả hai khoản nợ nêu trên đều được hình thành trong thời kỳ hôn nhân nên chị Thắm và anh Hưng đều phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ gốc và lãi phát sinh. Do đó chị Thắm yêu cầu tính toàn bộ số tiền gốc và số tiền lãi phát sinh là 268.038.548 đồng để xác định nghĩa vụ trả nợ của chị Thắm và anh Hưng, mỗi người phải có nghĩa vụ trả nợ số tiền 134.019.274 đồng là có cơ sở cần được chấp nhận.

Xét ý kiến của Ngân hàng chính sách xã hội về việc đồng ý để chị Hoàng Thị H trả khoản nợ 50.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được chấp nhận. Ngân hàng chính sách không yêu cầu chị Thắm phải trả khoản nợ nêu trên trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.3] Xét về việc trích chia chênh lệch giá trị tài sản: Theo quy định, chị Hoàng Thị H được giao toàn quyền sử dụng tài sản chung bao gồm đất và tài sản trên đất thì phải trích chia chênh lệch giá trị tài sản để trả cho anh Nguyễn Ngọc H số tiền 118.250.000 đồng. Tuy nhiên, phần nghĩa vụ mà chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Ngọc H mỗi người phải thực hiện như đã trình bày ở trên là 134.019.274 đồng lớn hơn quyền về tài sản mà mỗi người được hưởng, nghĩa vụ về tài sản chị Hoàng Thị H đã

thực hiện là 218.038.548 đồng và vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền 50.000.000 đồng nợ gốc kèm tiền lãi phát sinh. Do đó, chị Hoàng Thị H yêu cầu Tòa án không buộc chị phải trích chia cho anh Nguyễn Ngọc H ½ giá trị của tài sản chung là 118.250.000 đồng là có cơ sở, cần được chấp nhận.

[2.4] Xét về sự chênh lệch giữa nghĩa vụ về tài sản và quyền về tài sản: Chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Ngọc H mỗi người phải có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ trả nợ số tiền 134.019.274 đồng lớn hơn quyền về tài sản mà mỗi người được chia là 118.250.000 đồng, chị Hoàng Thị H không yêu cầu anh Nguyễn Ngọc H phải thanh toán cho chị phần chênh lệch là hoàn toàn tự nguyện nên cần được chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị H là có cơ sở, cần được chấp nhận toàn bộ.

[3] *Về án phí*: Chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Ngọc H, mỗi người được chia ½ giá trị tài sản chung, đo đó mỗi người phải chịu phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.912.500 đồng.

Về chi phí tố tụng: Chị Hoàng Thị H nhận chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.662.000 đồng là hoàn toàn tự nguyện nên cần được chấp nhận.

[4] *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TY tại phiên tòa đã phù hợp với quy định pháp luật, phù hợp điều kiện thực tế, khách quan của các đương sự nên cần được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27, Điều 33, Điều 37, Điều 59 và Điều 60 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 98, Điều 99, Điều 100 của Luật đất đai; điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị H:

Chia đôi giá trị quyền sử dụng đất thửa đất số 07 tờ bản đồ số: SĐL ngày 01/6/2016, đất ở nông thôn, diện tích 334,6 m^2 có địa chỉ tại Thôn K, xã K, huyện TY, được UBND huyện TY cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CD 100919 vào ngày 04/8/2016, số vào sổ cấp GCN: CH00587 cho bà Hoàng Thị H và ông Nguyễn Ngọc H vào ngày 04/8/2016 và các tài sản trên đất gồm 14 cây quế 07 năm tuổi, 14

cây quế 05 năm tuổi, 70 cây quế từ 01-03 năm tuổi, 01 cây khế, 01 cây ổi, 01 cây mắc mật có tổng giá trị 236.500.000 đồng (hai trăm ba mươi sáu triệu năm trăm nghìn đồng), chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Ngọc H mỗi người được chia 118.250.000 đồng (một trăm mười tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

Giao chị Hoàng Thị H được sử dụng thửa đất nêu trên (diện tích sau khi đo đạc là 331,4 m^2) và các tài sản trên đất gồm 14 cây quế 07 năm tuổi, 14 cây quế 05 năm tuổi, 70 cây quế từ 01-03 năm tuổi, 01 cây khế, 01 cây ổi, 01 cây mắc mật. Thửa đất có giáp ranh như sau: Phía Bắc (từ điểm A6 đến A7) giáp đất nhà chị Hoàng Thị Hiền; phía Nam (từ điểm A3 đến A4) giáp đất do Ủy ban nhân dân xã K quản lý; phía Đông (từ điểm A3-A7) giáp thửa đất số 02; phía Tây (từ điểm A4 đến A5) giáp đất chị Hoàng Thị H đang quản lý, sử dụng, (từ điểm A5-A6) giáp đất do nhà chị Hoàng Thị Hiền.

(Có sơ đồ kèm theo)

Chị Hoàng Thị H được quyền liên hệ cơ quan có thẩm để làm thủ tục cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nếu có nhu cầu theo quy định của pháp luật.

2. Chị Hoàng Thị H không phải trích chia chênh lệch giá trị tài sản là 118.250.000 đồng cho anh Nguyễn Ngọc H.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của Ngân hàng C và chị Hoàng Thị H: Chị Hoàng Thị H sẽ có trách nhiệm trả khoản nợ 50.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh theo khế ước đã thỏa thuận.

4. Anh Hoàng Ngọc Hưng không phải trả cho chị Hoàng Thị H số tiền chênh lệch giữa nghĩa vụ về tài sản phải thực hiện là 134.019.274 đồng (một trăm ba mươi tư triệu không trăm mười chín nghìn hai trăm bảy mươi tư đồng) và giá trị về tài sản được chia là 118.250.000 đồng (một trăm mười tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng).

5. Về án phí và chi phí tố tụng:

Chị Hoàng Thị H và anh Nguyễn Ngọc H, mỗi người phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 5.912.500 đồng (năm triệu chín trăm mười hai nghìn năm trăm đồng). Chị Hoàng Thị H đã nộp tạm ứng 2.938.000 đồng (hai triệu chín trăm ba mươi tám nghìn đồng) tại Biên lai số AA/2022/0000364 ngày 10-4-2023 của Chị cục thi hành án dân sự huyện TY, còn phải nộp thêm 2.973.500 đồng (hai triệu chín trăm bảy mươi ba nghìn năm trăm đồng). Anh Nguyễn Ngọc H chưa nộp.

Về chi phí tố tụng: Chị Hoàng Thị H nhận chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 4.662.000 đồng (bốn triệu sáu trăm sáu mươi hai nghìn đồng). Xác nhận chị Thắm đã nộp đủ.

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện TY;
- Chi cục THADS huyện TY;
- Người có quyền lợi, nghịa vũ liên quan;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, TA, HSVA.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Phú Duy